

Số: 04 /ĐA-UBND

Nam Đông, ngày 19 tháng 11 năm 2020

**ĐỀ ÁN
THU GOM, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NAM ĐÔNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

**Phần I
SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Hoạt động thu gom, xử lý chất thải rắn (CTR) nhất là chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) trên địa bàn huyện đã được triển khai có hiệu quả trong giai đoạn 2012-2020 trên cơ sở tổ chức thực hiện Đề án số 08/ĐA-UBND ngày 21/11/2012 của UBND huyện và Nghị quyết số 12/2012/NQ-HĐND ngày 19/12/2012 của Hội đồng nhân dân huyện về thu gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt cùng với việc lồng ghép thực hiện các phong trào như nói không với túi ni lông và sản phẩm nhựa sử dụng một lần, phong trào Ngày Chủ nhật xanh, người dân đã dần hình thành thói quen trong công tác vệ sinh, bảo vệ môi trường.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác thu gom và xử lý CTR hiện nay trên địa bàn huyện vẫn còn gặp một số bất cập, hạn chế, đó là: công tác phân loại, xử lý rác ngay tại nguồn vẫn chưa thực hiện; chất thải nguy hại vẫn chưa được thu gom, xử lý đảm bảo quy định; công nghệ xử lý rác là chôn lấp nên về lâu dài sẽ có nguy cơ gây ô nhiễm; tình hình sử dụng túi ni lông và sản phẩm nhựa sử dụng 1 lần vẫn chưa giảm đáng kể; việc huy động xã hội hóa để đầu tư cho công tác quản lý chất thải rắn chưa nhiều, trong khi ngân sách còn hạn chế,...

Cùng với xu hướng đô thị hoá, hiện đại hóa nông thôn, nhu cầu tiêu dùng hàng hoá và sử dụng nguyên nhiên vật liệu gia tăng, lượng chất thải phát sinh hàng ngày không ngừng tăng về số lượng với thành phần phức tạp ảnh hưởng lớn đến môi trường và sức khoẻ cộng đồng và đang gây khó khăn cho công tác quản lý, xử lý CTR.

Vì vậy, để tạo sự chuyển biến thực sự trong công tác quản lý về chất thải rắn dựa trên nguyên tắc kiểm soát dòng chất thải: “Chất thải thu gom được giảm thiểu và ổn định thông qua xử lý, lượng chất thải vận chuyển đến bãi chôn lấp được giảm thiểu tối đa; Chất thải không thu gom phải được cộng đồng quản lý phù hợp”; đồng thời để nhằm tăng cường hiệu quả trong công tác bảo vệ môi trường, giảm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH và tiến đến thực hiện thắng lợi nhiệm vụ về hoạt động bảo vệ môi trường mà Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ lần thứ XVI đã đề ra, UBND huyện xây dựng Đề án “Thu gom, xử lý chất thải rắn giai đoạn 2021-2025” làm cơ sở để lãnh đạo, chỉ đạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014.
2. Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về Quản lý chất thải và phế liệu.
3. Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường
4. Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.
5. Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải y tế.
6. Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ NN&PTNT, Bộ TN&MT về hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.
7. Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng.
8. Quyết định số 2149/QĐ-TTg ngày 17/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 (*đã được điều chỉnh tại Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018*).
9. Quyết định số 1413 /QĐ-UBND ngày 23/6/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
10. Quyết định số 1414 /QĐ-UBND ngày 23/6/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy định quản lý và tổ chức thực hiện Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.
11. Kế hoạch số 231/KH-UBND ngày 09/11/2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về triển khai thực hiện Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
12. Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý CTRSH, CTR công nghiệp thông thường, CTR xây dựng và bùn thải trên địa bàn tỉnh TT Huế.
13. Quyết định số 94/2017/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn Tỉnh.
14. Quyết định số 2239/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Ban hành Bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị.
15. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Nam Đông lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025 và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Nam Đông lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025.

III. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Đề án này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chất thải rắn* là chất thải ở thể rắn hoặc sệt (còn gọi là bùn thải) được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc các hoạt động khác.
2. *Chất thải thông thường* là chất thải không thuộc danh mục chất thải nguy hại hoặc thuộc danh mục chất thải nguy hại nhưng có yếu tố nguy hại dưới ngưỡng chất thải nguy hại.
3. *Chất thải rắn nguy hại* là chất thải rắn chứa các chất hoặc hợp chất có một trong những đặc tính: phóng xạ, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm, gây ngộ độc hoặc các đặc tính nguy hại khác.
4. *Chất thải rắn sinh hoạt* (còn gọi là rác sinh hoạt) là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người.
5. *Chất thải rắn xây dựng* là chất thải rắn phát sinh trong quá trình khảo sát, thi công xây dựng công trình (kể cả công trình nhà ở nhân dân).
6. *Phân loại chất thải* là hoạt động phân tách chất thải (đã được phân định) trên thực tế nhằm chia thành các loại hoặc nhóm chất thải để có các quy trình quản lý khác nhau.
7. *Vận chuyển chất thải* là quá trình chuyên chở chất thải từ nơi phát sinh đến nơi xử lý, có thể kèm theo hoạt động thu gom, lưu giữ (hay tập kết) tạm thời, trung chuyển chất thải và sơ chế chất thải tại điểm tập kết hoặc trạm trung chuyển.
8. *Tái sử dụng chất thải* là việc sử dụng lại chất thải một cách trực tiếp hoặc sau khi sơ chế mà không làm thay đổi tính chất của chất thải.
9. *Tái chế chất thải* là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật để thu lại các thành phần có giá trị từ chất thải.
10. *Xử lý chất thải* là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật (khác với sơ chế) để làm giảm, loại bỏ, cô lập, cách ly, thiêu đốt, tiêu hủy, chôn lấp chất thải và các yếu tố có hại trong chất thải.
11. *Chủ nguồn thải* là các tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc điều hành cơ sở phát sinh chất thải.
12. *Hoạt động quản lý chất thải rắn* bao gồm các hoạt động quy hoạch quản lý, đầu tư xây dựng cơ sở quản lý chất thải rắn, các hoạt động phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những tác động có hại đối với môi trường và sức khỏe con người.

Phần II

THỰC TRẠNG THU GOM, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CHUNG

1. Điều kiện tự nhiên, xã hội và các chỉ tiêu về môi trường

a) Điều kiện tự nhiên, xã hội:

Nam Đông là huyện miền núi ở về phía Tây Nam thành phố Huế, cách trung tâm thành phố Huế 50 km, cách thành phố Đà Nẵng 60km. Tổng diện tích đất tự nhiên 64.782,1 ha; trong đó đất nông nghiệp 62.153,6 ha, đất phi nông nghiệp 2.444,8 ha, đất chưa sử dụng 183,7 ha. Tổng dân số toàn huyện tính đến 31/12/2019 là 6.999 hộ với 24.906 khẩu; trong đó nam 12.352 người, nữ 12.554 người; trong đó dân tộc thiểu số chiếm 49,7% dân số. Mật độ dân số 38,45 người/km². Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1.45%. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn quốc gia: 4,65%. Tỷ lệ hộ dân cư, xã/thị trấn, thôn, khu vực đạt chuẩn văn hóa 90%.

Khí hậu chia làm 2 mùa, mùa khô từ tháng 2 đến tháng 8; mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau; nhiệt độ bình quân 25,4⁰c, lượng mưa bình quân 3.600mm. Mức độ ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới thấp hơn so với các huyện ven biển của tỉnh; không có tình trạng ngập lụt, triều cường; tình trạng sạt lở đất ở mức thấp.

b) Các chỉ tiêu về môi trường: Tỷ lệ độ che phủ rừng 83,4%; Tỷ lệ thu gom và xử lý CTRSH: 95%, tỷ lệ sử dụng nước sạch: 59,26%, tỷ lệ hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh là 90,22%. Đến năm 2020, đã có 06/09 xã công nhận nông thôn mới (Hương Phú, Hương Xuân, Hương Sơn, Hương Lộc, Thượng Quảng, Thượng Lộ), 01 xã đang hoàn thành thủ tục công nhận (Thượng Nhật).

2. Quy hoạch, hạ tầng

- Hạ tầng đô thị, các trung tâm cụm xã được đầu tư đồng bộ, khá khang trang; đường từ huyện về trung tâm các xã đều được nhựa hóa; đường trục xã, thôn, cụm dân cư được nhựa, bê tông đạt 100%. Công tác quy hoạch trên địa bàn cơ bản đáp ứng nhu cầu quản lý, phát triển kinh tế xã hội với việc hoàn thành việc quy hoạch chung thị trấn Khe Tre, quy hoạch nông thôn mới các xã, quy hoạch ngành (*quy hoạch giao thông, quy hoạch điện lực,...*) và quy hoạch chi tiết phân khu phát triển kinh tế, đất ở dân cư. Quy hoạch 02 cụm công nghiệp, diện tích khoảng 30 ha (Hương Hòa: 10 ha và Hương Phú: 20 ha).

- Toàn huyện có 29 cơ sở giáo dục (bao gồm 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên; 12 cơ sở Y tế (01 Trung tâm Y tế huyện và 11 trạm Y tế tại các xã, thị trấn); 67 cơ quan Nhà nước và 42 doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn huyện chủ yếu là doanh nghiệp ngoài Nhà nước, trong đó 2 tập thể tư nhân; 22 tư nhân, 16 Công ty TNHH và 04 Công ty cổ phần không có vốn Nhà nước. Các cơ sở, doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong các ngành xây dựng; bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; chế biến gỗ và các sản phẩm nông sản; dịch vụ lưu trú, ăn uống,...và 1.562 cơ sở kinh tế cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản và 286 cơ sở sản xuất công nghiệp.

II. KẾT QUẢ THU GOM, XỬ LÝ CTR

1. Đánh giá chung

Trong thời gian qua, đặc biệt là từ khi thực hiện Đề án số 08 và Nghị quyết 12/2012/NQ-HĐND về thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện giai đoạn 2012-2015 định hướng đến năm 2020 đã đem lại những kết quả nhất định đó là:

- Thông qua công tác truyền truyền, thực hiện Nghị quyết đã nâng cao được ý thức tự giác của nhân dân trong việc quản lý rác thải, tình trạng xả rác không đúng nơi quy định hầu như không còn xảy ra; thông qua các phong trào như nói không với túi ni lông và sản phẩm nhựa sử dụng một lần, phong trào Ngày Chủ nhật xanh, người dân đã dần hình thành thói quen trong công tác vệ sinh, bảo vệ môi trường,

- Việc thu gom, vận chuyển rác trước khi có Nghị quyết chỉ thực hiện tại Thị trấn và một số điểm Hương Giang, Hương Hòa (cũ), nay đã thực hiện tại 100% tổ dân phố, thôn trên toàn địa bàn huyện với 236 điểm thu gom rác.

- Tỷ lệ thu gom, xử lý CTRSH được nâng lên từ 27,3% đến nay đạt 95%.

- Việc xử lý chôn lấp rác đúng theo quy định nên đã không còn tình trạng ô nhiễm môi trường tại bãi chôn lấp rác.

2. Kết quả cụ thể

a) Công tác thu gom, vận chuyển CTRSH

Thực hiện thu gom rác theo hình thức dịch vụ công được triển khai đồng bộ trên địa bàn toàn huyện từ kể từ ngày 01/5/2016 do Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế thực hiện. Kể từ ngày 01/5/2016, công tác thu gom, vận chuyển rác được thực hiện theo hình thức dịch vụ công do đơn vị có năng lực vận chuyển thực hiện thông qua hình thức chào hàng/đấu thầu rộng rãi.

Hiện nay, việc vận chuyển CTRSH trên địa bàn huyện do Công ty TNHH Môi trường Nam Đông thực hiện bằng xe chuyên dùng (7,4 tấn) với tần suất là 02 ngày/lượt, trung bình 03-04 chuyến vận chuyển/lượt; vận chuyển từ các điểm (thùng) bỏ rác công cộng trên địa bàn các xã, thị trấn đến bãi tập kết chôn lấp Hương Phú. Vào các ngày Lễ, Tết đơn vị vận chuyển sẽ thực hiện tăng chuyến nhằm hạn chế việc quá tải rác. Phạm vi thực hiện công tác vận chuyển từ các điểm đặt thùng chứa rác của các xã, thị trấn về đến bãi chôn lấp rác Hương Phú.

Đối với các xã, thị trấn: Mỗi xã hợp đồng 01-02 nhân công thu gom rác để đảm bảo thực hiện công tác quản lý rác thải, bảo vệ môi trường. Hiện nay đã có 13 nhân công thu gom/10 xã, thị trấn, tỷ lệ thu gom rác thải hiện nay đạt 95%: *(Chi tiết tại Biểu 01 đính kèm).*

- Công tác thu gom được bố trí các thùng rác dung tích 240l, 660l tại các trục đường giao thông, khu dân cư tập trung thuận tiện để người dân bỏ rác vào thùng.

- Công tác vận chuyển rác sinh hoạt được hợp đồng với đơn vị có chức năng, phương tiện vận chuyển chuyên dụng với tần suất 02 ngày/chuyến. Vận chuyển rác từ vị trí các điểm đặt thùng rác công cộng trên địa bàn các xã, thị trấn đến bãi chôn lấp rác Hương Phú với khoảng cách xa nhất là 20 km.

Trong giai đoạn 2012-2020, tổng khối lượng rác được thu gom, vận chuyển ước đạt 20.405 tấn (*Chi tiết tại Biểu 02 đính kèm*).

b) Công tác xử lý CTRSH

- Hiện nay toàn huyện, 100% các tổ dân phố, thôn, xóm đã được bố trí các điểm rác công cộng với 236 điểm. Toàn bộ rác thu gom được vận chuyển về các Bãi chôn lấp rác Hương Phú; được xử lý bằng vôi bột, hóa chất diệt ruồi, hóa chất EM thứ cấp, Bokashi, đồng thời tiến hành san gạt lấp đất theo quy trình vận hành được phê duyệt.

- Kể từ khi rác được tập kết tại bãi rác Hương Phú, việc xử lý chôn lấp được thực hiện đảm bảo quy trình nên không phát sinh các kiến nghị, phản ánh như tại bãi chôn lấp rác Thượng Nhật.

- Công tác vận hành bãi rác được thực hiện bằng các biện pháp như nâng cấp đường vào Bãi rác, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng; dọn vệ sinh phát quang khu vực bãi rác sau mùa mưa lũ,...

- Từ năm 2019 đã phối hợp với Trung tâm quan trắc tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện giám sát quan trắc môi trường định kỳ (03 lần/năm)

c) Công tác đầu tư xây dựng hạ tầng, phương tiện thu gom, vận chuyển

- Đã đầu tư xây dựng bãi rác sinh hoạt tại xã Hương Phú với quy mô chôn lấp 9.000 m², công nghệ xử lý chủ yếu là chôn lấp hợp vệ sinh.

- Hàng năm, UBND các xã, thị trấn đã rà soát và được bổ sung các phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng để phục vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Trong giai đoạn 2016-2020, đã mua sắm và bố trí 551 thùng đựng rác sinh hoạt (510 thùng loại 240l và 41 thùng loại 660l). Tổng kinh phí mua sắm, sửa chữa thùng rác là 1,49 tỷ.

- Địa điểm bố trí các thùng chứa rác: Duy trì, ổn định các địa điểm bỏ thùng rác tại địa bàn các xã đã được thống nhất, chủ yếu tập trung tại vị trí trung tâm, các trục đường chính và khu dân cư.

d) Nguồn ngân sách chi cho hoạt động thu gom, xử lý CTRSH

Trong 05 năm (2016-2020), ngân sách được trích từ kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm đảm bảo chi cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác. Cụ thể:

- Tổng thu: 3.895.099.000đ với tỷ lệ thu phí/giá VSMT trong giai đoạn đạt trung bình 79%.

- Tổng chi: 11.069.380.500đ với các hạng mục chi gồm: Vận chuyển, xử lý rác; đầu tư phương tiện thu gom rác; nâng cấp hạ tầng bãi rác; lương nhân công thu gom VSMT.

Như vậy, qua đánh giá 5 năm, từ 2016-2020, kinh phí thu không bù được cho hoạt động chi thực hiện công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt (*Chi tiết tại Biểu 03 đính kèm*).

III. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn còn một số hạn chế đó là:

1. Tồn tại, hạn chế

- Công tác phân loại rác sinh hoạt tại nguồn có tuyên truyền vận động nhưng vẫn chưa thực hiện dẫn đến khối lượng rác thải sinh hoạt khá lớn gây áp lực cho công tác thu gom vận chuyển.
- Công tác thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong sinh hoạt (ngoại trừ chất thải y tế) vẫn chưa thực hiện.
- Việc tái chế, tái sử dụng rác thải sinh hoạt cũng như hạn chế việc sử dụng túi ni tại các chợ, cụm dân cư vẫn chưa được đánh giá cụ thể.
- Công tác quản lý, vận hành các Bãi chôn lấp rác đang hoạt động và đã đóng cửa vẫn chưa được giao trách nhiệm cụ thể.
- Việc xử lý rác tại bãi chôn lấp tiềm ẩn các nguy cơ ô nhiễm do việc chôn lấp thực hiện thủ công.

2. Nguyên nhân của các hạn chế

a) Nguyên nhân khách quan:

- Chưa có mô hình phân loại rác tại nguồn để nhân rộng; việc đầu tư công nghệ để tái chế, tái sử dụng chất thải sinh hoạt vẫn chưa có sự vào cuộc của nhà đầu tư cũng như chính sách hỗ trợ của Nhà nước;
- Trên địa bàn chưa có các sản phẩm thân thiện môi trường để thay thế túi ni lông được người sử dụng chấp nhận.
- Số điểm thu gom tăng nhanh với khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hàng ngày cùng với ý thức của một số người dân chưa cao (không phân loại rác, vất rác ngoài thùng, bỏ rác không đúng nơi quy định, tự ý di chuyển thùng rác....). đã ảnh hưởng đến việc thu gom, vận chuyển của đơn vị thu gom.
- Ngân sách thu phí, giá vệ sinh môi trường không đủ bù cho nguồn chi hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý.
- Công tác đầu tư xây dựng bãi rác xây dựng, các điểm bố trí thu gom rác nguy hại trong lĩnh vực nông nghiệp chưa được triển khai do nguồn ngân sách hạn chế; chưa có mô hình, phương tiện, dụng cụ đảm bảo quy định để thực hiện việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại.

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Công tác quản lý nhà nước về môi trường từ huyện đến cấp xã còn thiếu và chưa được đào tạo đúng chuyên ngành nên gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý dẫn đến một số công việc còn bỏ ngỏ như trách nhiệm quản lý, vận hành các bãi chôn lấp rác, công tác thu gom, xử lý chất thải nguy hại.

- Trách nhiệm của một số chính quyền địa phương, đoàn thể chưa quyết liệt trong công tác tuyên truyền, chỉ đạo, giám sát, xử lý vi phạm trong hoạt động quản lý chất thải rắn nói chung và CTRSH nói riêng.

- Một số mô hình của các đoàn thể, địa phương có triển khai nhưng việc đánh giá, nhân rộng còn hạn chế, chưa khuyến khích sự tự giác tham gia của đa số người dân trong hoạt động bảo vệ môi trường.

- Chưa kêu gọi được sự hỗ trợ đầu tư và xã hội hóa trong công tác bảo vệ môi trường.

Phần II

DỰ BÁO KHỐI LƯỢNG, PHƯƠNG THỨC THU GOM, XỬ LÝ CTR GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. DỰ BÁO KHỐI LƯỢNG CTR ĐẾN NĂM 2025

1. Nguồn gốc phát sinh chất thải rắn

Nguồn phát sinh CTR: từ các hộ gia đình; từ các hoạt động dịch vụ thương mại (chợ, dịch vụ ăn uống, thương mại, công cộng,...), các hoạt động sản xuất nông nghiệp; từ các công sở, trường học; từ đường phố, các bến xe; từ bệnh viện và các khu công nghiệp, TTCN,..

2. Dự báo khối lượng chất thải rắn sinh hoạt

Trên cơ sở khối lượng CTRSH được nghiệm thu và tình hình thống kê hộ được thu gom rác năm 2020, nhận thấy lượng rác được thu gom tăng trung bình 15% mỗi năm. Vì vậy lượng rác được dự báo trong giai đoạn 2021-2025 được phát sinh khoảng 36.896 tấn và lượng CTRSH được thu gom ước khoảng 36.016 tấn (*Chi tiết ở Biểu 4 đính kèm*).

3. Dự báo khối lượng chất thải rắn khác

Ngoài chất thải rắn phát sinh trong quá trình sinh hoạt, còn 1 lượng lớn chất thải rắn phát sinh trong hoạt động xây dựng khoảng 1.075 tấn và 125 tấn CTNH khác (trừ Y tế).nhưng chưa có giải pháp để thu gom, vận chuyển, xử lý.

II. PHƯƠNG THỨC THU GOM, XỬ LÝ

1. Tổ chức thu gom CTRSH

- Tiếp tục duy trì phương thức thu gom CTRSH từ nơi phát sinh tập kết tại các điểm bỏ rác công cộng do các xã, thị trấn đề xuất, quản lý. Bố trí nhân công thu gom rác trên địa bàn với 01-02 người/địa phương.

- Tần suất thu gom rác 01-02 ngày, đối với khu vực thị trấn Khe Tre sẽ tiến hành tăng lượt vận chuyển hàng ngày trong các ngày Lễ/Tết và các sự kiện lớn trong năm.

- Để giảm thiểu lượng rác vận chuyển, tập kết đến bãi chôn lấp để xử lý, trước mắt sẽ ưu tiên khuyến khích các hoạt động phân loại CTRSH tại nguồn theo 03 nhóm sau:

+ Nhóm tái chế, tái sử dụng: giấy các loại, nhựa các loại, kim loại các loại, thủy tinh các loại...

+ Nhóm các chất hữu cơ dễ phân hủy: nhóm thức ăn thừa, lá cây, rau, củ quả, xác động vật...

+ Nhóm chất thải nguy hại: pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang, thiết bị điện tử hỏng, bao bì thuốc bảo vệ thực vật...

2. Mô hình hệ thống thu gom, vận chuyển CTR

- Chất thải rắn sinh hoạt tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân được lưu chứa trong các bao bì, thiết bị phù hợp, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Địa điểm, vị trí, khu vực bố trí các thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại tại các khu dân cư, khu vực công cộng do UBND các xã, thị trấn xác định.

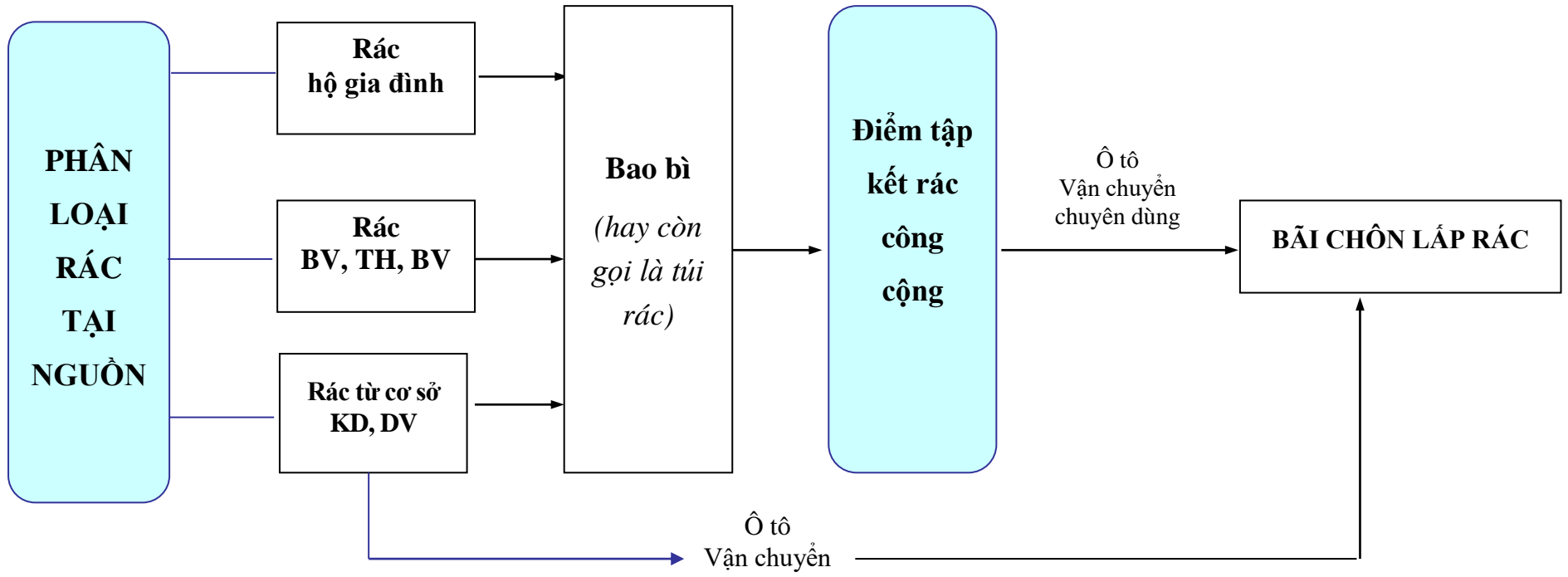
+ Riêng chất thải nguy hại thực hiện thu gom, lưu chứa tại một số điểm tập kết được UBND các xã, thị trấn đề xuất để UBND huyện đề xuất Phương án thu gom, vận chuyển theo quy định.

+ Đối với nhóm chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: hộ gia đình, chủ nguồn thải có thể bán, cho các tổ chức, cá nhân thu mua phế liệu hoặc các tổ chức, cá nhân thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Trường hợp không cho hoặc bán cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu thì chủ nguồn thải, hộ gia đình phải bỏ vào thùng chứa rác riêng biệt.

- Tổ chức thu gom riêng chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại:

Căn cứ vào tình hình thực tế khối lượng phát sinh của từng nhóm chất thải và kinh phí kêu gọi đầu tư, ngân sách bố trí của Nhà nước và kết quả đánh giá mô hình thí điểm phân loại rác tại thị trấn Khe Tre, xã Hương Xuân để xây dựng kế hoạch thu gom theo thời gian quy định.

Sơ đồ hệ thống thu gom chất thải rắn thông thường tại các điểm tập trung khu vực dân cư:



3. Xử lý CTRSH

Hiện tại, CTRSH được xử lý chủ yếu bằng hình thức chôn lấp tại bãi rác Hương Phú có quy mô dưới 01ha với công suất chôn lấp 12,9 tấn/ngày. Bên cạnh đó, một số hộ gia đình, cá nhân, tổ chức đã thực hiện xử lý rác tại nguồn bằng hình thức đào hố chôn lấp (rác dễ phân hủy)/ đốt rác và thu gom rác phế liệu.

Việc xử lý CTRSH tiếp tục duy trì thực hiện theo hình thức xử lý chôn lấp. Tiến đến năm 2025, từng bước đầu tư lựa chọn công nghệ và thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn hiện hành ưu tiên:

- + *Xử lý cơ học* (phân loại, giảm thể tích, giảm kích thước cơ học);
- + *Xử lý sinh học* (ủ rác thành phân compost, ủ hiếu khí, ủ yếm khí).

4. Thu gom, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom vào dụng cụ chứa rác nguy hại được bố trí trên địa bàn các xã và định kỳ tổ chức vận chuyển đến cơ sở xử lý chất thải nguy hại.

Việc lưu giữ, vận chuyển chất thải nguy hại tuân thủ theo quy định.

5. Thu gom, xử lý chất thải rắn khác (bao gồm chất thải xây dựng, chất thải rắn có thể tích, trọng lượng lớn không thu gom, vận chuyển bằng xe cuốn rác).

Các địa phương tổ chức quy hoạch các điểm (mỗi xã, thị trấn 01 điểm) để lưu giữ và định kỳ sử dụng xe vận chuyển đến bãi xử lý tại xã Hương Phú.

Phần III

MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường nói chung và công tác thu gom, xử lý chất thải rắn nói riêng, đồng thời nâng cao nhận thức của người dân, cộng đồng trong việc phân loại chất thải tại nguồn và thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn.

2. Mục tiêu cụ thể: Đến 2025, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động sự tham gia của cộng đồng, các tổ chức chính trị, xã hội vào việc tuyên truyền phân loại rác tại nguồn; đầu tư phương tiện và áp dụng các công nghệ tốt, hiện đại, thân thiện với môi trường để xử lý chất thải rắn có hiệu quả; đầu tư 01 bãi xử lý chất thải rắn xây dựng và các điểm lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn khác trên địa bàn các xã, thị trấn đảm bảo an toàn vệ sinh, môi trường; triển khai các mô hình tận dụng, tái chế, tái sử dụng nhằm giảm thiểu phát sinh chất thải rắn tại nguồn, giảm lượng chất thải rắn chôn lấp.

II. CHỈ TIÊU

1. Phần đầu đến năm 2025, tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt trên 98,5%
2. 100% xã, thị trấn thực hiện việc phân loại rác tại nguồn.
3. Chất thải rắn nguy hại được thu gom, xử lý đảm bảo quy định đạt 100%.
4. Kêu gọi đầu tư xây dựng 01 cơ sở xử lý chất thải rắn theo công nghệ thân thiện với môi trường.
5. Xây dựng 01 bãi xử lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn huyện.

III. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền

- Nâng cao nhận thức của người dân về ý nghĩa tầm quan trọng của môi trường đối với đời sống, tầm quan trọng của việc phân loại chất thải tại nguồn và ý thức chấp hành, sức mạnh của cộng đồng, của các tổ chức, chính trị- xã hội trong việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn.

- Lồng ghép các phong trào nói không với túi ni lông và sản phẩm nhựa sử dụng 1 lần và việc sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường trong các buổi họp dân, các Hội nghị, truyền thông về bảo vệ môi trường.

- Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về công tác phân loại rác, các mô hình, tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường gắn với hoạt động Ngày Chủ nhật xanh.

2. Xây dựng, hoàn thiện mô hình thu gom, vận chuyển, xử lý CTR

- Tiếp tục thực hiện hướng đến hoàn thiện mô hình thu gom rác sinh hoạt bằng xe chuyên dụng, đồng thời xây dựng thí điểm mô hình các tổ, đội thu gom hướng đến huy động xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt sau năm 2025.

- Lựa chọn mô hình hợp lý, đầu tư dụng cụ thu gom, hợp đồng đơn vị đủ năng lực để vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại.

- Tăng cường quản lý, giám sát việc vận hành bãi chôn lấp rác, áp dụng nghiêm túc đúng quy định các biện pháp chôn lấp hợp vệ sinh, đồng thời thường xuyên duy tu, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.

- Lập danh mục kêu gọi đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn theo công nghệ thân thiện với môi trường.

3. Triển khai phân loại CTR tại nguồn

- Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh, tổ chức tuyên truyền công tác phân loại CTRSH tại nguồn trên địa bàn 10 xã, thị trấn.

- Xây dựng các mô hình phân loại rác tại nguồn, trước mắt lựa chọn 1-2 xã (thị trấn Khe Tre, xã Hương Xuân) thí điểm mô hình phân loại rác và nhân rộng trên địa bàn toàn huyện.

4. Đầu tư trang thiết bị, công nghệ, nâng cấp Bãi chôn lấp rác

- Xây dựng quy chế phối hợp trong công tác quản lý các Bãi chôn lấp rác (kể cả các bãi rác đã đóng cửa), lựa chọn đơn vị đủ năng lực để hợp đồng quản lý, vận hành các bãi chôn lấp rác nhằm đảm bảo sự hoạt động.

- Thường xuyên tổ chức duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp Bãi chôn lấp rác Hương Phú; có phương án xử lý kịp thời các nguy cơ ô nhiễm, nguy cơ hư hỏng do thiên tai, bão lũ gây ra.

- Đầu tư xây dựng bãi tập kết, xử lý chất thải xây dựng và chất thải phát sinh trong sinh hoạt, đời sống không phát sinh ô nhiễm.

5. Giải pháp về cơ chế, chính sách và nguồn lực tài chính

- Ngoài ngân sách Nhà nước cho sự nghiệp bảo vệ môi trường xây dựng cơ chế kêu gọi sự tham gia của nhân dân tiến tới xã hội hóa dịch vụ thu gom, xử lý và xây dựng đội ngũ tự quản bảo vệ môi trường trong khu dân cư.

- Có chính sách hỗ trợ các cơ sở, cá nhân tham gia thu mua các phế liệu tái chế, tái sử dụng trên địa bàn.

- Phân bổ chi phí quản lý nhà nước về công tác quản lý chất thải rắn trên địa bàn.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác đảm bảo đúng quy định; lồng ghép phối hợp với các đoàn kiểm tra về công tác môi trường để kiểm tra, ngăn chặn, xử lý các sai phạm.

- Bố trí nhân lực, lực lượng tổ chức kiểm tra, giám sát việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt; phát hiện, xử phạt vi phạm hành chính theo Công văn số 3976/UBND-TN của UBND tỉnh.

7. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí dự trù thực hiện công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn giai đoạn 2021-2025 là 31,6 tỷ đồng (*Chi tiết tại Biểu 6, 7, 8 đính kèm*).

8. Các chương trình, dự án ưu tiên; kế hoạch thực hiện

a) Các chương trình, dự án ưu tiên

- Kế hoạch truyền thông nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, góp phần tôn tạo cảnh quan thông qua các hình thức: pano, áp phích; chuyên mục truyền thanh, truyền hình, phóng sự; các hội thi vẽ/sáng tác/tìm hiểu kiến thức về bảo vệ môi trường, xử lý rác thải trong học đường, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội; các mô hình tận dụng, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn;...

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBCC phụ trách công tác quản lý chất thải.

- Thí điểm phân loại chất thải rắn tại nguồn.

- Quy hoạch, bố trí các điểm lưu giữ chất thải rắn xây dựng; xây dựng bãi chôn lấp rác xây dựng (tại Hương Phú).
- Đầu tư phương tiện thu gom và bố trí các điểm lưu giữ chất thải nguy hại trên địa bàn các xã, thị trấn.
- Thành lập các đội tuyên truyền viên về môi trường cấp xã.
- Nâng cấp, bảo dưỡng Bãi chôn lấp hợp vệ sinh xã Hương Phú.
- Khuyến khích mô hình xã hội hóa công tác thu gom.

b) Kế hoạch thực hiện:

- Giai đoạn 2021 – 2023:
 - + Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án.
 - + Thực hiện công tác tuyên truyền, tổ chức các lớp tập huấn từ 01-02 lớp/năm.
 - + Tổ chức thí điểm 01-02 mô hình phân loại rác tại nguồn trên địa bàn huyện để làm cơ sở nhân rộng mô hình.
 - + Đầu tư phương tiện, thiết bị, dụng cụ... phục vụ thu gom, vận chuyển CTRSH và đầu tư mới các phương tiện, vị trí lưu giữ chất thải nguy hại.
 - + Quy hoạch, bố trí các điểm lưu giữ và xây dựng Bãi xử lý chất thải rắn phát sinh trong hoạt động xây dựng, sản xuất, tiêu dùng.
 - + Tiếp tục duy trì phương thức thu gom, vận chuyển CTRSH theo mô hình giai đoạn 2016-2020, ưu tiên vùng thị trấn Khe Tre vận chuyển hàng ngày.
- Giai đoạn 2024-2025:
 - + Vùng thị trấn Khe Tre thực hiện thu gom, vận chuyển theo khung thời gian quy định tại một số khu vực tập trung dân cư.
 - + Xem xét, rà soát lại kế hoạch thực hiện và có phương án để hoàn thành các nội dung của Đề án thu được kết quả và đạt các mục tiêu đề ra.
 - + Tổng kết, đánh giá việc thực hiện Đề án

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện

- Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan, UBND các xã, thị trấn tham mưu UBND huyện thực hiện các nội dung Đề án; hàng năm xây dựng Kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện;
- Tranh thủ sự đầu tư, hỗ trợ, hướng dẫn của Tỉnh, các tổ chức trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn;
- Nghiên cứu, phối hợp các ngành xây dựng các tài liệu, các mô hình thu gom, phân loại, xử lý rác phù hợp để tổ chức tuyên truyền, phổ biến nhằm nhân rộng để mọi người dân thực hiện.
- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho UBND huyện.

2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng

- Chủ trì, phối hợp các ngành, các địa phương lựa chọn vị trí lưu giữ, bãi chất thải rắn phát sinh trong hoạt động xây dựng, sản xuất, tiêu dùng.
- Tham mưu điều chỉnh định mức, quy trình xử lý chất thải rắn phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

3. Phòng Tài chính – Kế hoạch

- Tham mưu bố trí kinh phí ngân sách, huy động sự tham gia xã hội hóa nhằm nâng cao nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ trên;
- Lập danh mục dự án kêu gọi đầu tư nhằm thực hiện tốt công tác xử lý rác theo công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường.
- Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, địa phương trong việc lập, sử dụng, quyết toán kinh phí đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật.

4. Phòng Nông nghiệp và PTNT

Hướng dẫn các xã, thị trấn thu gom bao thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn.

5. Phòng Văn hóa TT, Trung tâm Văn hóa TT huyện

Phối hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường, các ngành, đoàn thể xây dựng các chuyên mục, tài liệu, phóng sự về công tác bảo vệ môi trường để tuyên truyền thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng.

6. Ban Quản lý dự án khu vực huyện

Phối hợp các ngành, địa phương hoàn thành xây dựng Bãi xử lý chất thải rắn phát sinh trong hoạt động xây dựng, sản xuất, tiêu dùng.

7. Mặt trận, các đoàn thể huyện

Phối hợp tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong việc phân loại rác tại nguồn; xây dựng, nhân rộng các mô hình sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường thay thế sản phẩm nhựa sử dụng 1 lần, mô hình các tuyến đường xanh, sạch, sáng không có rác thải.

8. UBND các xã, thị trấn

- Tổ chức đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thực hiện công tác bảo vệ môi trường, sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường và hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần; phối hợp lựa chọn xây dựng các mô hình phân loại rác tại nguồn hướng đến thực hiện trên toàn địa bàn các xã, thị trấn.
- Đề xuất các mô hình tổ đội thu gom, vận chuyển rác thải kết hợp thu giá dịch vụ để nâng cao tỷ lệ người dân tham gia dịch vụ bảo vệ môi trường.
- Chủ trì, phối hợp các ngành quy hoạch, bố trí các điểm bố trí thùng chứa rác và các điểm lưu giữ chất thải rắn khác.
- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, xử lý các vi phạm; giải quyết hoặc đề xuất giải quyết kịp thời các kiến nghị, phản ánh của người dân về các trường hợp vi phạm về bảo vệ môi trường.
- Duy trì thường xuyên hoạt động Ngày Chủ nhật xanh hướng đến tạo thành thói quen trong các tầng lớp nhân dân.

IV. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

Triển khai đồng bộ các giải pháp hướng tới việc nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý chất thải rắn trong thời gian tới là hết sức cần thiết vì vậy cần phải có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong công tác tuyên truyền, vận động chỉ đạo thực hiện. Bên cạnh đó, bảo vệ môi trường là trách nhiệm của toàn xã hội, từng cá nhân phải nhận thức được trách nhiệm và cùng chung tay bảo vệ môi trường, mới có thể tạo ra chuyển biến tích cực và nâng cao hiệu quả trong công tác bảo vệ môi trường nói chung và công tác quản lý chất thải nói riêng, tiến tới từng bước ngăn ngừa tình trạng ô nhiễm môi trường.

Để thực hiện tốt các nội dung trên, UBND huyện xin kiến nghị:

1. Các ngành chức năng cần nghiên cứu đề xuất đưa nội dung giáo dục môi trường trong đó có quản lý chất thải vào chương trình ngoại khóa của các cấp học phổ thông.
2. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nguồn nhân lực phục vụ cho công tác quản lý chất thải.
3. Có chính sách ưu đãi, ưu tiên, khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở, hộ cá thể tham gia vào công tác phân loại, xử lý nguồn chất thải nguy hại (cơ sở thu mua phế liệu).
4. Trong giai đoạn hiện nay, do đời sống của nhân dân còn khó khăn trong khi yêu cầu về bảo vệ môi trường rất lớn, do vậy cần có sự hỗ trợ về kinh phí, đầu tư mô hình, công nghệ để thu gom, xử lý chất thải rắn của Ngân sách tỉnh, Trung ương và các tổ chức trong và ngoài nước.

Trên đây là Đề án thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025, UBND huyện kính trình HĐND huyện xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- TV Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đoàn thể trên địa bàn huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM/ ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Phụng

Biểu 01
TÌNH HÌNH THU GOM CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT NĂM 2020
(Kèm theo Đề án số 04 /ĐA-UBND ngày 19 /11/2020 của UBND huyện)

STT	Xã/thị trấn	Số hộ	Số dân	Số thôn/tổ dân phố		Phương tiện thu gom đang sử dụng (thùng rác)		Nhân công thu gom	Số điểm thu gom	Tỷ lệ thu rác sinh hoạt được gom (%)
				Tổng	Đã bố trí điểm thu gom	Loại 240l	Loại 660l			
1	Thị trấn Khe tre	978	4003	5	5	153	20	2	30	100
2	Hương Xuân	1165	4613	8	8	78	8	3	35	99
3	Hương Phú	904	3570	8	8	43	6	1	21	98
4	Hương Lộc	628	2751	3	3	49	2	1	18	98
5	Thượng Nhật	611	2490	7	7	44	0	1	25	90
6	Thượng Lộ	338	1461	3	3	31	0	1	16	95
7	Hương Sơn	357	1495	4	4	35	0	1	16	93
8	Hương Hữu	748	3073	7	7	49	5	1	23	91
9	Thượng Long	733	2912	8	8	41	5	1	29	91
10	Thượng Quảng	558	2142	7	7	49	5	1	23	95
TOÀN HUYỆN		7.020	28.510	60	60	572	51	13	236	95

Biểu 02

Biểu 1: Tỷ lệ, khối lượng CTRSH được thu gom, xử lý 2012-2020
(Kèm theo Đề án số 04 /ĐA-UBND ngày 19/11/2020 của UBND huyện)

STT	Thời gian	Tỷ lệ thu gom rác thải SH (%)	Tổng lượng rác thải SH thu gom (tấn/ngày)	Khối lượng rác được thu gom, vận chuyển (tấn/năm)	Số điểm thu gom (điểm)	Ghi chú
1	2012-2015	27,3	2,7	2.910		Thu gom thị trấn, Hương Giang (cũ)
2	Năm 2016	72,7	8,4	2.069	44-87	Vận chuyển dịch vụ công ích từ 01/5/2016
2	Năm 2017	79,5	8,8	3.103	129	
3	Năm 2018	90,1	10,4	3.749	194	
4	Năm 2019	94,4	10,9	3.929	211	
5	Năm 2020	95	12,9	4.645	236	
Tổng cộng:				20.405		

Biểu 3**Tổng kinh phí thực hiện hoạt động thu gom, xử lý CTRSH giai đoạn năm 2016-2020**
(Kèm theo Đề án số 04 /ĐA-UBND ngày 19 /11/2020 của UBND huyện)

STT	Năm	Kinh phí giao (đồng)	Kinh phí thu (đồng)	Tỷ lệ thu phí (%)	Kinh phí chi (đồng)
1	Năm 2016	147.699.000	147.699.000	100	1.057.207.000
2	Năm 2017	474.000.000	384.506.000	81	1.748.361.500
3	Năm 2018	732.000.000	510.000.000	70	2.698.312.000
4	Năm 2019	1.090.000.000	800.000.000	73	2.814.894.000
5	Năm 2020	1.451.400.000	1.064.000.000	73	2.750.606.000
Tổng		3.895.099.000	2.906.205.000	79	11.069.380.500

Biểu 4**DỰ BÁO KHỐI LƯỢNG CTRSH PHÁT SINH TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025***(Kèm theo Đề án số 04 /DA-UBND ngày 19 /11/2020 của UBND huyện)*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2030	Năm 2024	Năm 2025	Tổng 2021-2025
1	CTRSH phát sinh (tấn/năm)	4.889	5.565	6.333	7.208	8.273	9.485	36.864
2	CTRSH thu gom (tấn/ngày)	12,9	14,8	17,1	19,6	22,6	25,9	
3	CTRSH thu gom (tấn/năm)	4.645	5.342	6.143	7.064	8.124	9.343	36.016
4	CTRSH được xử lý (tấn/ngày)	12,9	14,8	17,1	19,6	22,6	25,9	

Biểu 5**TỶ LỆ CHẤT CTRSH ĐƯỢC THU GOM GIAI ĐOẠN 2021-2025***(Kèm theo Đề án số 04 /ĐA-UBND ngày 19 /11/2020 của UBND huyện)*

STT	Xã/thị trấn	Tỷ lệ rác sinh hoạt được gom (%)					
		TH 2020	KH 2021	KH 2022	KH 2023	KH 2024	KH 2025
1	Thị trấn Khe tre	100	100	100	100	100	100
2	Hương Xuân	99	100	100	100	100	100
3	Hương Phú	98	99	100	100	100	100
4	Hương Lộc	98	99	100	100	100	100
5	Thượng Nhật	90	92	93	95	96	97
6	Thượng Lộ	95	95	96	97	98	99
7	Hương Sơn	93	95	96	97	98	99
8	Hương Hữu	91	92	93	94	95	96
9	Thượng Long	91	92	93	94	95	96
10	Thượng Quảng	95	96	97	98	99	100
TOÀN HUYỆN		95	96	96,8	97,5	98,1	98,7
Đô thị		100	100	100	100	100	100
Nông thôn		94,4	95,6	96,4	97,2	97,9	98,6

Biểu 6**Khái toán kinh phí thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn giai đoạn 2021-2025***(Kèm theo Đề án số 04 /DA-UBND ngày 19 /11/2020 của UBND huyện)*

STT	Hạng mục	ƯỚC DỰ TOÁN (đ)				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Vận chuyển, xử lý CTRSH	2.372.000.000	2.609.000.000	2.870.000.000	3.158.000.000	3.473.000.000
2	Thu gom, vận chuyển xử lý CTNH, CTR khác (trừ Y tế)	500.000.000	550.000.000	600.000.000	650.000.000	700.000.000
3	Duy tu, bảo dưỡng, quan trắc môi trường bãi rác	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
4	Phương tiện thu gom	800.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
5	Nhân công thu gom	372.060.000	372.060.000	372.060.000	372.060.000	372.060.000
6	Đầu tư bãi chôn lấp rác xây dựng	8.200.000.000				
7	Chi phí quản lý	50.000.000	60.000.000	70.000.000	80.000.000	90.000.000
8	Tuyên truyền	50.000.000	55.000.000	60.500.000	66.550.000	73.200.000
9	Chi phí dự phòng	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
TỔNG		12.644.060.000	4.246.060.000	4.572.560.000	4.926.610.000	5.218.260.000
Giai đoạn 2021-2025:		31.607.550.000				

(Giá trị dự toán chưa bao gồm VAT)

Biểu 7

KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ DỰ TOÁN CHI PHÍ VẬN CHUYỂN CTRSH GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Đề án số 04 /DA-UBND ngày 19 /11/2020 của UBND huyện)

T T	ĐỊA BÀN	Khối lượng 2020 (tấn)	Đơn giá (đ/tấn)	KH 2021		KH 2022		KH 2023		KH 2024		KH 2025		GHI CHÚ	
				Khối lượng (tấn)	Giá trị (đồng)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (đồng)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (đồng)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (đồng)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (đồng)		
I	Cự ly vận chuyển BQ đến 15km gồm các xã vùng dưới (*)	1.641	359,324	1.887	589.650.684	2.170	779.813.030	2.496	896.784.984	2.870	1.031.302.732	3.301	1.185.998.141		
II.	Cự ly vận chuyển BQ từ trên 15km đến 20 km gồm các xã vùng trên (**)	3.004	377,792	3.455	1.134.887.168	3.973	1.500.888.280	4.569	1.726.021.522	5.254	1.984.924.750	6.042	2.282.663.462		
A	TỔNG (Giá trị trước thuế)	4.645		5.342	1.724.537.852	6.143	2.280.701.309	7.064	2.622.806.506	8.124	3.016.227.482	9.343	3.468.661.604	(I+II)	
B	THUẾ GTGT (10%)				172.453.785		228.070.131		262.280.651		301.622.748		346.866.160	(10%*A)	
C	TỔNG GIÁ TRỊ SAU THUẾ				1.896.991.637		2.508.771.440		2.885.087.156		3.,317.850.230		3.815.527.764	(A+B)	
	TỔNG GIÁ TRỊ SAU THUẾ (Quy tròn)				1.896.992.000		2.508.771.000		2.885.087.000		3.317.850.000		3.815.528.000		
TỔNG CỘNG															
	Khối lượng vận chuyển 2021-2025 (tấn):					36.016									
	Giá trị vận chuyển 2021-2025 (đồng):					14.424.228.000									

Ghi chú

(*) Các xã vùng dưới (gồm các xã: Hương Phú, Hương Xuân (Hương Hòa cũ), Hương Lộc, Hương Sơn, Thượng Lộ và Thị trấn Khe Tre)

(**) Các xã vùng trên: Hương Xuân (Hương Giang), Hương Hữu, Thượng Nhật, Thượng Quảng, Thượng Long)

Biểu 8
KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ DỰ TOÁN CHI PHÍ XỬ LÝ CTRSH GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Đề án số 04 /DA-UBND ngày 19 /11/2020 của UBND huyện)

Hạng mục	Đơn giá (đ/tấn)	Ước TH Năm 2020		KH 2021		KH 2022		KH 2023		KH 2024		KH 2025	
		Khối lượng (tấn)	Thành tiền (đ)	Khối lượng (tấn)	Thành tiền (đ)	Khối lượng (tấn)	Thành tiền (đ)	Khối lượng (tấn)	Thành tiền (đ)	Khối lượng (tấn)	Thành tiền (đ)	Khối lượng (tấn)	Thành tiền (đ)
Chi phí xử lý rác trước thuế	60,676	4.645	281.840.020	5.342	324.131.192	6.143	372.732.668	7.064	428.615.264	8.124	492.931.824	9.343	566.895.868
Thuế giá trị gia tăng (10%)			28.184.002		32.413.119		37.273.267		42.861.526		49.293.182		56.689.587
Tổng cộng chi phí xử lý			310.024.022		356.544.311		410.005.935		471.476.790		542.225.006		623.585.455
			310.024.000		356.544.000		410.006.000		471.477.000		542.225.000		623.585.000
Tổng chi phí giai đoạn 2021-2025 (đ)				2.403.837.000									